

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: **21/2019/DS-PT**

Ngày 19- 02- 2019

V/v tranh chấp “di sản thừa kế và hợp  
đồng thuê quyền sử dụng đất”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy Hà.

*Các Thẩm phán:*

Ông Cao Minh Lễ

Ông Trần Minh Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** Ông Huỳnh Thanh Phước- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2018/TLPT - DS ngày 02 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp “Di sản thừa kế và Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 173/2017/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 74/2018/QĐPT- DS ngày 02 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Phước H, sinh năm 1963 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 15, ấp TH, xã VT, huyện CT, tỉnh An Giang

2. Bị đơn:

2.1. Ông Ngô Thanh PH, sinh năm 1950 (Có mặt).

2.2. Bà Ngô Thị H1, sinh năm 1961 (Vắng mặt).

2.3. Bà Ngô Thị Thanh H2, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

2.4. Bà La Thị Kim H3, sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 15, ấp TH, xã VT, huyện CT, tỉnh An Giang

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Ngô Thanh Ng, sinh năm 1952 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 5, ấp TH, xã VT, huyện CT, tỉnh An Giang.

3.2. Ông Ngô Thanh T, sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 15, ấp TH, xã VT, huyện CT, tỉnh An Giang.

3.3. Bà Ngô Thị Thanh D, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 1, ấp TB, xã VT, huyện TS, tỉnh An Giang.

3.4. Bà Ngô Thị Hồng Y, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 32, ấp ĐBN, xã VT, huyện CT, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3.5. Bà Ngô Thị Thanh T1, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Tân Hiệp A, thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

3.6. Chị Ngô Thị Cẩm T2, sinh năm 1987 (Có mặt).

3.7. Chị Ngô Thị Cẩm TH, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

3.8. Anh Ngô Thanh TH1, sinh năm 1994 (Có mặt).

3.9. Bà Trần Thị Ng1, sinh năm 1959 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 15, ấp TH, xã VT, huyện CT, tỉnh An Giang.

3. Người kháng cáo: Ông Ngô Phước H là nguyên đơn và ông Ngô Thanh T, bà Ngô Thanh Ng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn là ông Ngô Phước H trình bày:

Cha mẹ của ông là cụ Ngô Long Tr, chết năm 2012 và cụ Đặng Thị H4, chết năm 2010 đều không để lại di chúc, cha mẹ có 10 người con gồm: Ông Ngô Thanh PH, bà Ngô Thanh Ng, ông Ngô Phước H, bà Ngô Thị H1, ông Ngô Thanh T, bà Ngô Thị Thanh D, bà Ngô Thị Hồng Y, bà Ngô Thị Thanh T1, bà Ngô Thị Thanh H2, ông Ngô Thanh Tùng Em (đã chết) có vợ La Thị Kim H3 và 3 con là Ngô Thị Cẩm T2, Ngô Thị Cẩm TH, Ngô Thanh TH1.

Lúc còn sống cha mẹ ông có phân chia đất cho 10 người con mỗi người 5 công đất ruộng, số tài sản còn lại của cha mẹ gồm:

- Phần đất diện tích 6.351m<sup>2</sup> (Đo đạc thực tế có diện tích 6.472,5m<sup>2</sup>), thửa đất số 7, tờ bản đồ số 38, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp TH, xã VT, huyện CT, tỉnh An Giang đã được UBND huyện Châu Thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.07205/hG ngày 19/8/2006 cho cụ Ngô Long Trừ và cụ Đặng Thị Hoa.

- Phần đất diện tích 16.368m<sup>2</sup> (Đo đạc thực tế có diện tích 18.069m<sup>2</sup>), tờ bản đồ số 01, số thửa 3054, 3055, 3056, 5433, mục đích sử dụng: 2L, tọa lạc tại xã Vĩnh Thành, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã được UBND huyện Châu Thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00607 QSDĐ/hG ngày 15/01/2002 cho cụ Ngô Long Tr.

- 53 chỉ vàng 24k loại 999,9 trong đó:

+ Ông Ngô Thanh PH và bà Trần Thị Ng1 quản lý 33 chỉ vàng sau khi thẩm định ông thống nhất là 32 chỉ 7 phân 5 ly vàng 24k loại 999,9.

+ Bà Nguyễn Thị H1 giữ 10 chỉ vàng, bà H1 cho rằng có đưa lại cho cha số tiền 20.000.000đ đồng ý khấu trừ, còn lại số tiền 10.000.000đ.

+ Bà Ngô Thị Thanh H2 quản lý 10 chỉ vàng, do bà H2 không thừa nhận và ông cũng không có chứng cứ chứng minh nên ông xin rút lại yêu cầu này.

Nay ông yêu cầu được chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cha mẹ để lại.

Ngoài ra, diện tích đất ruộng 18.069m<sup>2</sup> bà La Thị Kim H3 đang canh tác là thuê của cha mẹ số tiền 40.000.000đ/năm, năm 2015 bà H3 có trả tiền thuê cho các anh chị em mỗi người là 4.000.000đ nên ông yêu cầu bà H3 phải trả cho ông tiền thuê đất năm 2016 là 4.000.000đ nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ông xin rút yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn là bà La Thị Kim H3 trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông H về hàng thừa kế và thời điểm mở thừa kế, bà thống nhất di sản thừa kế của cha mẹ để lại gồm phần đất ruộng diện tích 18.069m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 01, số thửa 3054, 3055, 3056, 5433, mục đích sử dụng đất 2L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00607 QSDĐ/hG ngày 15/01/2002 cấp cho cha Ngô Long Trừ và phần đất diện tích 6.472,5m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 38, số thửa 7, 8 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.07205/hG ngày 19/8/2006 cấp cho cha Ngô Long Trừ và mẹ Đặng Thị Hoa. Số vàng bà Trần Thị Ng1 là vợ ông Ngô Thanh PH giữ của cha mẹ là 32 chỉ 7 phân 5 ly vàng 24k loại 999,9, còn việc bà Ngô Thị H1 có giữ 10 chỉ vàng trả lại cho cha số tiền 20.000.000đ hay không thì bà không biết. Tất cả tài sản này bà đồng ý chia theo qui định pháp luật.

Đối với yêu cầu trả tiền thuê đất của ông H thì bà không đồng ý, vì bà không thuê đất mà năm 2015 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành động viên nên bà đồng ý trả cho mỗi người 4.000.000đ để xuống giống, bà chỉ đồng ý trả 01 năm chứ không đồng ý năm nào cũng phải trả tiền thuê đất.

Bị đơn ông Ngô Thanh PH và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Ng1 trình bày:

Ông bà thống nhất với lời trình bày của ông H về hàng thừa kế và thời điểm mở thừa kế. Ông bà thống nhất lúc còn sống cha mẹ đã phân chia đều cho mỗi người con 05 công đất ruộng, còn phần đất ruộng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số 00607 QSDĐ/hG, tờ bản đồ số 01, số thửa 3054, 3055, 3056, 5433, diện tích 18.069m<sup>2</sup>, đất lâu năm khác theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.07205/hG, tờ bản đồ số 38, số thửa 7,8 diện tích 6.472,5m<sup>2</sup> là di sản của cha mẹ chết để lại, không có di chúc, hiện đất vườn chưa giao ai quản lý, còn đất ruộng thì bà Kim H3 đang quản lý, ông bà xác nhận bà Ng1 có giữ của cha mẹ là 32 chỉ 7 phân 5 ly vàng 24k loại 999,9, còn bà H1, bà H2 mỗi người có giữ 10 chỉ vàng hay không thì ông bà không biết, nếu có thì ông bà yêu cầu giữ lại cho cháu Ngô Thanh TH1, ông bà không yêu cầu chia số vàng này. Ông bà không thống nhất chia thừa kế theo yêu cầu của ông H, ông bà thống nhất giao lại cho cháu TH1 quản lý, sử dụng để thờ cúng ông bà.

Bị đơn Ngô Thị Thanh H2 trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông H về hàng thừa kế và thời điểm mở thừa kế, bà thống nhất di sản thừa kế của cha mẹ để lại gồm phần đất ruộng diện tích 18.069m<sup>2</sup> và phần đất vườn tạp diện tích 6.472,5m<sup>2</sup>. Bà không giữ 10 chỉ vàng của mẹ như ông H trình bày, ông PH và bà Ng1 có giữ của cha mẹ 32 chỉ 7 phân 5 ly vàng 24k loại 9999, bà H1 có giữ 10 chỉ vàng hay không thì bà không biết, bà không yêu cầu chia di sản thừa kế, bà đồng ý giao phần di sản bà được hưởng cho cháu TH1.

Bị đơn Ngô Thị H1 trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông H về hàng thừa kế và thời điểm mở thừa kế, bà thống nhất chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại gồm phần đất ruộng diện tích 18.069m<sup>2</sup> và phần đất vườn tạp diện tích 6.472,5m<sup>2</sup>. Đối với số vàng của cha mẹ bà thừa nhận có giữ 10 chỉ vàng nhưng đã đưa lại cho cha số tiền 20.000.000đ, còn lại bao nhiêu bà đồng ý trả lại cho anh chị em chia thừa kế theo qui định, còn việc ông PH, bà Ng1, bà H2 có giữ vàng của cha mẹ hay không bà không biết, bà không yêu cầu chia thừa kế, bà đồng ý giao phần di sản bà được hưởng cho cháu TH1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Ngô Thanh Ng, ông Ngô Thanh T trình bày: Ông bà thống nhất về hàng thừa kế, thời điểm mở thừa kế, di sản thừa kế và yêu cầu chia di sản thừa kế như ông H đã trình bày trên. Ông bà yêu cầu bà La Thị Kim H3 là người trực tiếp canh tác diện tích đất ruộng của cha để lại, ông bà yêu cầu bà H3 phải có nghĩa vụ trả tiền thuê đất cho ông bà mỗi người là 4.000.000đ nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ông xin rút yêu cầu độc lập.

Bà Ngô Thị Thanh D, bà Ngô Thị Hồng Y, bà Ngô Thị Thanh T1 trình bày: Các bà thống nhất với lời trình bày của ông H về hàng thừa kế và thời điểm mở thừa kế, các bà thống nhất di sản thừa kế của cha mẹ để lại gồm phần đất ruộng diện tích 18.069m<sup>2</sup> và phần đất vườn tạp diện tích 6.472,5m<sup>2</sup>, ông PH và bà Ng1 có giữ của cha mẹ 32 chỉ 7 phân 5 ly vàng 24k loại 9999, bà H1 giữ 10 chỉ vàng hay không các bà không biết, các bà không yêu cầu chia di sản thừa kế, các bà đồng ý giao phần di sản các bà được hưởng cho cháu TH1.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 173/2017/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Phước H.

- Buộc 9 người gồm các ông bà: Ngô Thanh PH, Ngô Thanh Ng, Ngô Phước H, Ngô Thị H1, Ngô Thanh T, Ngô Thị Thanh D, Ngô Thị Hồng Y, Ngô Thị Thanh T1, Ngô Thị Thanh H2 giao cho bà La Thị Kim H3, Ngô Thanh TH1, Ngô Thị Cẩm T2, Ngô Thị Cẩm TH tiếp tục quản lý sử dụng diện tích 18.069m<sup>2</sup> đất ruộng thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00607 QSDĐ/hG ngày 15/01/2002, thuộc tờ bản đồ số 01, số thửa 3054, 3055, 3056, 5433 do ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp cho ông Ngô Long Trừ đứng tên và 6.472.5m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.07205/hG ngày 19/8/2006, thuộc tờ bản đồ số 38, số thửa 7,8 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp cho ông Ngô Long Trừ và bà Đặng Thị Hoa đứng tên (kèm theo bản gốc trích đo ngày 01/10/2016 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Châu Thành), đất tọa lạc tại ấp Trung Thành, xã Vĩnh Thành, Châu Thành, An Giang.

- Buộc bà La Thị Kim H3, ông Ngô Thanh TH1, bà Ngô Thị Cẩm T2, bà Ngô Thị Cẩm TH có trách nhiệm giao cho ông Ngô Phước H, bà Ngô Thanh Ng, ông Ngô Thanh T mỗi người số tiền là 103.344.000đ (Một trăm lẻ ba triệu ba trăm bốn mươi bốn ngàn đồng).

+ Giao cho các ông, bà Ngô Thanh PH, Ngô Thị H1, Ngô Thị Thanh D, Ngô Thị Hồng Y, Ngô Thị Thanh T1, Ngô Thị Thanh H2, mỗi người số tiền 103.344.000đ (Một trăm lẻ ba triệu ba trăm bốn mươi bốn ngàn đồng). Tất cả các ông bà tự nguyện cho Ngô Thanh TH1 số tiền trên.

- Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật.

- Buộc bà Trần Thị Ng1 có trách nhiệm giao lại cho ông Ngô Phước H, bà Ngô Thanh Ng, ông Ngô Thanh T mỗi người là 3 chỉ 2 phân 7,5 vàng 24k (loại 999,9).

+ Giao lại cho các ông, bà Ngô Thanh PH, Ngô Thị H1, Ngô Thị Thanh D, Ngô Thị Hồng Y, Ngô Thị Thanh T1, Ngô Thị Thanh H2, mỗi người là 3 chỉ 2 phân 7,5 vàng 24k (loại 999,9). Tất cả các ông bà tự nguyện cho Ngô Thanh TH1 số vàng trên.

+ Giao lại cho Ngô Thị Cẩm T2, Ngô Thị Cẩm TH, Ngô Thanh TH1 là 3 chỉ 2 phân 7,5 vàng 24k (loại 999,9)

- Buộc bà Ngô Thị H1 có trách nhiệm giao lại cho ông Ngô Phước H, bà Ngô Thanh Ng, ông Ngô Thanh T mỗi người là 1.000.000đ (Một triệu đồng)

+ Giao lại cho các ông, bà Ngô Thanh PH, Ngô Thị H1, Ngô Thị Thanh D, Ngô Thị Hồng Y, Ngô Thị Thanh T1, Ngô Thị Thanh H2, mỗi người là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Tất cả các ông bà tự nguyện cho Ngô Thanh TH1 số tiền trên.

+ Giao lại cho Ngô Thị Cẩm T2, Ngô Thị Cẩm TH, Ngô Thanh TH1 số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Phước H, bà Ngô Thanh Ng, ông Ngô Thanh T buộc bà La Thị Kim H3 giao trả số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) tiền cho thuê đất.

- Về lệ phí đo đạc, lệ phí định giá và thẩm định: Các ông T, bà Ng mỗi người phải trả lại cho ông Ngô Phước H số tiền 838.400đ (tám trăm ba mươi tám ngàn bốn trăm đồng).

Ông Ngô Thanh TH1 phải trả lại ông Ngô Phước H số tiền 5.868.800đ (năm triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn tám trăm đồng).

- Về án phí:

+ Ông Ngô Phước H phải chịu 5.990.000đ án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 2.378.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008914 ngày 31/5/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, án phí ông H còn phải nộp là 3.212.000đ

+ Bà Ngô Thanh Ng phải chịu 5.990.000đ án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 3.149.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000419 ngày 18/01/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, án phí bà Ng còn phải nộp là 2.841.000đ

+ Ông Ngô Thanh T phải chịu 5.990.000đ án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 3.149.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000418 ngày 18/01/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, án phí ông T còn phải nộp là 2.841.000đ

+ Ông Ngô Thanh TH1 phải chịu 18.159.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07 tháng 12 năm 2017 ông Ngô Phước H, ông Ngô Thanh T, bà Ngô Thanh Ng nộp Đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 173/2017/DS- ST ngày 24/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giao cho ông T được quản lý, sử dụng phần đất diện tích 18.069m<sup>2</sup> đất ruộng và phần đất diện tích 6.472,5m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, ông T sẽ có trách nhiệm hoàn lại phần giá trị được chia cho các thừa kế khác. Buộc bà H3 giao trả tiền thuê đất cho các ông bà số tiền 12.000.000đ nhưng tại phiên tòa phúc thẩm các ông bà xin rút yêu cầu này.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 phúc xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông H, ông T, bà Ng. Sửa một phần Bản án số 173/2017/DS-ST ngày 24/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Giao cho bà H3, anh TH1, chị T2, chị TH được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất ruộng diện tích 12.654m<sup>2</sup> thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00607 QSDĐ/hG ngày 15/01/2002 và 6.472.5m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.07205/hG ngày 19/8/2006. Buộc bà H3, anh TH1, chị T2, chị TH có trách nhiệm giao cho ông H, ông T, bà Ng mỗi người số tiền 81.684.000đ. Giao cho các ông bà PH, H1, D, Y, T1, H2 mỗi người số tiền 81.684.000đ nhưng các ông bà tự nguyện giao cho anh Ngô Thanh TH1 số tiền trên. Ông T được quản lý, sử dụng phần đất ruộng diện tích 5.415m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00607 QSDĐ/hG ngày 15/01/2002. Ông T có trách nhiệm hoàn cho các thừa kế là các ông bà H3, Ng, PH, H1, D, Y, T1, H2 và các thừa kế của ông Tùng Em là chị T2, chị TH, anh TH1 mỗi kỹ phần là 21.660.000đ. Các ông bà PH, H1, D, Y, T1, H2 tự nguyện giao cho anh TH1 số tiền trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Ngô Phước H, ông Ngô Thanh T, bà Ngô Thanh Ng kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của các ông bà theo trình tự phúc thẩm.

Bà Ngô Thị H1, bà Ngô Thị Thanh H2 là bị đơn và bà Ngô Thị Thanh D, bà Ngô Thị Hồng Y, bà Ngô Thị Thanh T1, chị Ngô Thị Cẩm TH là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Ngô Phước H là nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và ông Ngô Thanh T, bà Ngô Thanh Ng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo để kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 173/2017/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giao cho ông T được quản lý, sử dụng phần đất diện tích 18.069m<sup>2</sup> và phần đất diện tích 6.472,5m<sup>2</sup>, ông T sẽ có trách nhiệm hoàn lại giá trị được chia cho các thừa kế khác, buộc bà H3 giao trả tiền thuê đất cho các ông bà số tiền 12.000.000đ. Xét kháng cáo của ông H, ông T và bà Ng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định từng vấn đề cụ thể như sau:

[3] Về hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ngô Long Tr, chết năm 2012 và cụ Đặng Thị Hoa, chết năm 2010 có 10 người con gồm: Ông Ngô Thanh PH, bà Ngô Thanh Ng, ông Ngô Phước H, bà Ngô Thị H1, ông Ngô Thanh T, bà Ngô Thị Thanh D, bà Ngô Thị Hồng Y, bà Ngô Thị Thanh T1, bà Ngô Thị Thanh H2, ông Ngô Thanh Tùng Em (đã chết) có vợ là La Thị Kim H3 và 3 con là chị Ngô Thị Cẩm T2, chị Ngô Thị Cẩm TH, anh Ngô Thanh TH1.

[4] Về thời hiệu khởi kiện cụ Ngô Long Tr, chết năm 2012 và cụ Đặng Thị H4, chết năm 2010 nhưng ông H nộp đơn khởi kiện ngày 06/5/2016. Căn cứ vào Điều 645 Bộ luật dân sự năm 2005 vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[5] Về di sản thừa kế của cụ Tr và cụ H4 để lại, các đương sự thống nhất gồm: Phần đất diện tích 6.351m<sup>2</sup> (Đo đạc thực tế có diện tích 6.472,5m<sup>2</sup>), thửa đất số 7, tờ bản đồ số 38, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp TH, xã VT, huyện CT, tỉnh An Giang đã được UBND huyện Châu Thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.07205/hG ngày 19/8/2006 cho cụ Tr và cụ H4 trị giá 310.680.000đ. Phần đất diện tích 16.368m<sup>2</sup> (Đo đạc thực tế có diện tích 18.069m<sup>2</sup>), tờ bản đồ số 01, số thửa 3054, 3055, 3056, 5433, mục đích sử dụng 2L, tọa lạc tại xã Vĩnh Thành, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã được UBND huyện Châu Thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00607 QSDĐ/hG ngày 15/01/2002 cho cụ Tr trị giá 722.760.000đ. Ông PH và bà Ng1 quản lý 32 chỉ 7 phân 5 ly vàng 24k loại 999,9 và bà H1 quản lý số tiền 10.000.000đ. Do cụ Tr và cụ H4 chết không để lại di chúc nên án sơ thẩm chia di sản thừa kế của cụ Tr và cụ H4 theo quy định của pháp luật cho 10 người con mỗi người được hưởng di sản có giá trị 104.344.000đ, 3 chỉ 02 phân 7,5 ly vàng 24k loại vàng 999,9 là có căn cứ. Tuy nhiên ông H, ông T,

bà Ng kháng cáo yêu cầu được nhận đất và giao cho ông T sử dụng là cần thiết nhưng bà H3 cùng các con cũng có yêu cầu được nhận đất nên cần giao một phần đất cho ông H, ông T, bà Ng sử dụng. Như vậy, phần đất diện tích 6.472,5m<sup>2</sup> được chia cho ông H, ông T, bà Ng sử dụng diện tích 1.941m<sup>2</sup> theo Bản đồ hiện trạng của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Châu Thành ngày 28/12/2018 được giới hạn bởi các điểm 43, 44, 50, 51 và bà H3, anh TH1, chị T2, chị TH được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất diện tích 4.531,5m<sup>2</sup>. Đối với phần đất diện tích 18.069m<sup>2</sup> được chia cho ông H, ông T, bà Ng sử dụng diện tích 5.415m<sup>2</sup> theo Bản đồ hiện trạng của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Châu Thành ngày 28/12/2018 được giới hạn bởi các điểm 2, 55, 54, 4 với diện tích 533m<sup>2</sup> và các điểm 56, 57, 35, 21 với diện tích 4.882m<sup>2</sup> và bà H3, anh TH1, chị T2, chị TH được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất diện tích 12.654m<sup>2</sup>. Ông H, bà Ng đồng ý giao đất cho ông T sử dụng nên ông T có nghĩa vụ giao lại cho ông H và bà Ng mỗi người số tiền 103.344.000đ. Bà H3, anh TH1, chị T2, chị TH có nghĩa vụ giao cho ông PH, bà H1, bà D, bà Y, bà T1, bà H2 mỗi người số tiền 103.344.000đ nhưng các ông bà tự nguyện giao suất thừa kế của các ông bà được hưởng cho anh TH1 nên cần công nhận sự tự nguyện của các đương sự. Anh TH1, chị T2, chị TH được chia 01 suất thừa kế có giá trị 103.344.000đ.

Các đương sự phải liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật.

Ông H, bà Ng, ông T yêu cầu bà H3 giao trả tiền thuê đất cho các ông bà mỗi người số tiền 4.000.000đ nhưng tại phiên tòa phúc thẩm các ông bà rút yêu cầu. Xét việc rút yêu cầu khởi kiện và yêu cầu độc lập của ông H, bà Ng, ông T là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên được giữ nguyên.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông H, bà Ng, ông T. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 173/2017/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành như đã nhận định trên và chấp nhận một phần ý kiến đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của bà H3, ông T, bà Ng được chấp nhận nên các ông bà không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, các ông bà được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 645, Điều 674, Điều 675, Điều 676, Điều 677 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 30 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Phước H, ông Ngô Thanh T, bà Ngô Thanh Ng. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 173/2017/DS- ST ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Về hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ngô Long Tr, chết năm 2012 và cụ Đặng Thị H4, chết năm 2010 gồm: Ông Ngô Thanh PH, bà Ngô Thanh Ng, ông Ngô Phước H, bà Ngô Thị H1, ông Ngô Thanh T, bà Ngô Thị Thanh D, bà Ngô Thị Hồng Y, bà Ngô Thị Thanh T1, bà Ngô Thị Thanh H2, ông Ngô Thanh Tùng Em (đã chết) có 3 người con là chị Ngô Thị Cẩm T2, chị Ngô Thị Cẩm TH, anh Ngô Thanh TH1.

4. Bà La Thị Kim H3, anh Ngô Thanh TH1, chị Ngô Thị Cẩm T2, chị Ngô Thị Cẩm TH được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất diện tích 12.654m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp TH, xã VT, huyện CT, tỉnh An Giang đã được UBND huyện Châu Thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00607QSDĐ ngày 15/01/2002 cấp cho cụ Ngô Long Tr và phần đất diện tích 4.531,5m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã Vĩnh Thành, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã được UBND huyện Châu Thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.07205/hG ngày 19/8/2006 cho cụ Ngô Long Tr và cụ Đặng Thị H4.

5. Ông Ngô Thanh T được quản lý, sử dụng phần đất diện tích 5.415m<sup>2</sup> theo Bản đồ hiện trạng của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Châu Thành ngày 28/12/2018 được giới hạn bởi các điểm 2, 55, 54, 4 với diện tích 533m<sup>2</sup> và các điểm 56, 57, 35, 21 với diện tích 4.882m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp TH, xã VT, huyện CT, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00607 QSDĐ/hG ngày 15/01/2002 và phần đất diện tích 1.941m<sup>2</sup> theo Bản đồ hiện trạng của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Châu Thành ngày 28/12/2018 được giới hạn bởi các điểm 43, 44, 50, 51, tọa lạc tại xã Vĩnh Thành, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.07205/hG ngày 19/8/2006 (Đính kèm Bản đồ hiện trạng của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Châu Thành ngày 28/12/2018).

6. Ông Ngô Thanh T có nghĩa vụ giao lại cho ông Ngô Phước H và bà Ngô Thanh Ng mỗi người số tiền 103.344.000 đồng.

7. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Ngô Thanh PH, bà Ngô Thị H1, bà Ngô Thị Thanh D, bà Ngô Thị Hồng Y, bà Ngô Thị Thanh T1, bà Ngô Thị Thanh H2 giao suất thừa kế của các ông bà được hưởng cho anh Ngô Thanh TH1 mỗi suất thừa kế trị giá 103.344.000 đồng.

8. Anh Ngô Thanh TH1, chị Ngô Thị Cẩm T2, chị Ngô Thị Cẩm TH được chia 01 suất thừa kế thế vị của ông Ngô Thanh Tùng Em trị giá 103.344.000 đồng.

9. Bà Trần Thị Ng1 có nghĩa vụ giao lại cho ông Ngô Phước H, bà Ngô Thanh Ng, ông Ngô Thanh T mỗi người 03 chỉ 2 phân 7,5 ly vàng 24k loại 999,9.

10. Bà Trần Thị Ng1 có nghĩa vụ giao lại cho ông Ngô Thanh PH, bà Ngô Thị H1, bà Ngô Thị Thanh D, bà Ngô Thị Hồng Y, bà Ngô Thị Thanh T1, bà Ngô Thị Thanh H2 mỗi người 03 chỉ 02 phân 7,5 ly vàng 24k loại 999,9 và các ông bà tự nguyện giao lại cho anh Ngô Thanh TH1.

11. Bà Trần Thị Ng1 có nghĩa vụ giao lại cho chị Ngô Thị Cẩm T2, chị Ngô Thị Cẩm TH, anh Ngô Thanh TH1 03 chỉ 02 phân 7,5 vàng 24k loại 999,9.

12. Bà Ngô Thị H1 có nghĩa vụ giao cho ông Ngô Phước H, bà Ngô Thanh Ng, ông Ngô Thanh T mỗi người 1.000.000 đồng.

13. Bà Ngô Thị H1 có nghĩa vụ giao cho ông Ngô Thanh PH, bà Ngô Thị H1, bà Ngô Thị Thanh D, bà Ngô Thị Hồng Y, bà Ngô Thị Thanh T1, bà Ngô Thị Thanh H2 mỗi người số tiền 1.000.000 đồng và các ông bà tự nguyện giao lại cho anh Ngô Thanh TH1.

14. Bà Ngô Thị H1 có nghĩa vụ giao cho chị Ngô Thị Cẩm T2, chị Ngô Thị Cẩm TH, anh Ngô Thanh TH1 số tiền 1.000.000 đồng.

15. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Phước H và đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Ngô Thanh Ng, ông Ngô Thanh T yêu cầu bà La Thị Kim H3 giao trả cho mỗi người số tiền 4.000.000 đồng tiền cho thuê đất.

16. Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ đến các cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

17. Về chi phí tố tụng:

17.1. Ông Ngô Thanh T, bà Ngô Thanh Ng mỗi người phải giao lại cho ông Ngô Phước H số tiền 838.400 đồng.

17.2. Anh Ngô Thanh TH1 phải giao lại cho ông Ngô Phước H số tiền 5.868.800 đồng.

18. Về án phí:

18.1. Ông Ngô Phước H phải nộp 5.990.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Án phí được khấu trừ vào

2.678.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: TU/2016/08914 ngày 31/5/2016 và số: TU/2016/0003182 ngày 07/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành nên ông H còn được nhận lại 3.312.000 đồng.

18.2. Bà Ngô Thanh Ng phải nộp 5.990.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Án phí được khấu trừ vào 3.449.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: TU/2016/000419 ngày 18/01/2017 và số: TU/2016/0003181 ngày 07/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành nên bà Ng còn được nhận lại 2.541.000 đồng.

18.3. Ông Ngô Thanh T phải nộp 5.990.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Án phí được khấu trừ vào 3.449.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: TU/2016/08914 ngày 31/5/2016 và số: TU/2016/0003182 ngày 07/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành nên ông T còn được nhận lại 2.541.000 đồng.

18.4. Anh Ngô Thanh TH1 phải nộp 18.159.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán cho bên được thi hành án số tiền nêu trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

***Nơi nhận:***

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh AG;
- TAND huyện Châu Thành;
- THA huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV và THA;
- Tòa dân Sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thúy Hà**